

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 04 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G- TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 04 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/03/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc H, sinh ngày 09/01/1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 01 ấp T1, xã L, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 58 đường S, phường S1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/03/2024; bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Ngọc H trình bày: Chị H và anh T tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 20/11/2015, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. **Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại số 58 đường Nguyễn Văn Siêu, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.**

Nguyên nhân: Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ

chồng hay cãi vã trong cuộc sống hằng ngày, mặc dù vợ chồng cố gắng dần xấp khắc phục để vợ chồng hoà thuận nhưng không thành mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống được nữa nên chị Huyền khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Trịnh Ngọc H xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Dương Quang H1, sinh ngày 20/07/2016 hiện nay đang sinh sống cùng anh T. Chị H đồng ý giao người con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Huyền không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Dương Văn T có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 12/03/2025 anh T trình bày:

Về vấn đề hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Dương Quang H1, sinh ngày 20/07/2016 hiện đang sống cùng anh T. Anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn chị Trịnh Ngọc H giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và anh T là bị đơn cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố G thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Văn T có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H tại Tòa án, ngoài ra anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa nguyên đơn chị H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Ngọc H và anh Dương Văn T tự nguyện quen biết nhau tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2015, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá

trình chung sống do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, mặc dù có cố gắng hoà giải để hoà thuận nhưng không thành. **Chị H, anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng không hàn gắn được.** Tại phiên tòa chị Huyền khẳng định chị H và anh T không thể hàn gắn vì không còn tình cảm và tại bản tự khai anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Chị Huyền và anh T mặc dù đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và quyết định không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Ngọc H và anh Dương Văn T xác định anh, chị chung sống có 01 người con chung tên Dương Quang H1, sinh ngày 20/07/2016, chị H giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và anh T có ý kiến cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng người con. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Hiếu cũng mong muốn được sinh sống cùng với cha (anh T) được thể hiện tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 12/03/2025) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh T có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Ngọc H và anh Dương Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Ngọc H và anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Văn T tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Dương Quang H1, sinh ngày 20/07/2016. Anh T không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trịnh Ngọc H có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Ngọc H và anh Dương Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0008125 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/04/2025). Bị đơn anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

*** Nội nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Cơ quan THA có thẩm quyền;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thuỳ Linh